

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **767/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/4/2018

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 1875/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/9/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N

Địa chỉ: đường M, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Trần Anh V

Địa chỉ: đường M, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2017, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn- bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Bà và ông Trần Anh V tự nguyện yêu thương nhau và ngày 10/11/2002 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Q, quận P, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 219, quyển số 02/2002.

Quá trình sống chung, thời gian đầu hạnh phúc, từ đầu năm 2016 hai bên có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Ông V không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho con chung và đánh bà nhiều lần. Bà và ông V đã sống ly thân từ đó đến nay, bà về nhà mẹ đẻ sinh sống, một mình bà nuôi hai con nhỏ nhưng ông V không cấp dưỡng nuôi con.

Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

- Về con chung: bà và ông V có hai con chung là trẻ Trần Ngọc Phương A, sinh ngày 11/12/2003 và trẻ Trần Thiên Â, sinh ngày 04/12/2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nên không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Trần Anh V: đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- *Nguyên đơn* có đơn đề ngày 10/4/2018 về việc xin xét xử vắng mặt. Nội dung đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Thanh N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông V và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Trần Ngọc Phương A, sinh ngày 11/12/2003 và trẻ Trần Thiên Â, sinh ngày 04/12/2012 mà không yêu cầu ông Trần Anh V cấp dưỡng nuôi hai con.

- *Bị đơn:* vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

- *Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định.

Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử gồm những thành viên như đã công bố trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định đối với các đương sự trong vụ án. Việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N.

Về con chung: chấp nhận yêu cầu của bà Nhi về việc được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Trần Ngọc Phương A, sinh ngày 11/12/2003 và trẻ Trần Thiên Ân, sinh ngày 04/12/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nhi không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Trần Anh V là tranh chấp về Ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Toà để làm bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án. Phiên toà được mở lần thứ 02 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Việc nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

3. Về yêu cầu của nguyên đơn :

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 219, quyền số 02 do Ủy ban nhân dân phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2002 thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Trần Anh V là hợp pháp.

Nay nguyện vọng của bà Nhi muốn ly hôn với ông V vì hai bên không còn tình yêu thương với nhau, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét: Hôn nhân là việc nam nữ tự nguyện thương yêu và xây dựng hạnh phúc gia đình, trong đó cả hai cùng chung tay vun đắp cho hạnh phúc chung, tin tưởng và cùng nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà Nhi và ông V trong thời gian đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do giữa hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng.

Ông V đã nhiều lần bạo hành bà Nhi, bà Nhi phải nhờ sự can thiệp của Công an khu vực và đại diện tổ dân phố nơi bà sinh sống nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Bà Nhi cũng đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh sau đó xin rút đơn để hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành. Bà và ông V đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Vì vậy, nguyện vọng của bà Nhi xin được ly hôn với ông V là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Về con chung:

Căn cứ vào Giấy trích lục khai sinh (bản sao) số 324/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân phường O, quận P, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/6/2017 và Giấy khai sinh (bản sao) số 402/2012, quyền số 03/2012 do Ủy ban nhân dân phường O, quận P, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2012 có đủ cơ sở khẳng định giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Trần Anh V có hai con chung là trẻ Trần Ngọc Phương A, sinh ngày 11/12/2003 và trẻ Trần Thiên Â, sinh ngày 04/12/2012.

Bà Nhi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phương A và trẻ Thiên Â, bà đủ điều kiện kinh tế nuôi dưỡng nên không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con.

Hội đồng xét xử xét: Trẻ Trần Ngọc Phương A và trẻ Trần Thiên Â hiện còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, từ khi bà Nhi và ông V ly thân tới nay bà Nhi vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ, ông V không cấp dưỡng nuôi con. Bà Nhi xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ mà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của bà Nhi và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong khi đó, bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình toà án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, mặc dù toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Ông V trực tiếp nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng đã không tới Tòa án, không quan tâm tới quan hệ hôn nhân với bà Nhi và trách nhiệm đối với con chung. Vì vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn và được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Trần Ngọc Phương A và trẻ Trần Thiên Â là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4 .Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Nguyễn Thị Thanh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với ông Trần Anh V.
- Về con chung: Giao hai con chung là trẻ Trần Ngọc Phương A, sinh ngày 11/12/2003 và trẻ Trần Thiên Â, sinh ngày 04/12/2012 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nhi đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con.

Sau khi ly hôn, ông V có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con chung. Vì lợi ích của hai con chung, bà Nhi và ông V được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, bà N phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002944 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Việc thi hành án được thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Q, quận P;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào